

VN指数にBSCの予測

	弱気	中立	強気
2024/4/29		●	
2024/4/1~4/5	●		
Apr-24	●		

推奨戦略

・VNインデックスは-0.64ポイント安の1204.97で引けた。HNXインデックスは-0.3ポイント安の227.57で引けた。

・VNインデックスに最も寄与した銘柄はFPT (+0.99ポイント)、MWG (+0.55ポイント)、VCB (+0.55ポイント)、MSN (+0.43ポイント)、VIC (+0.38ポイント)だった。

・VNインデックスを最も引き下げた銘柄はTCB (-0.72ポイント)、BID (-0.55ポイント)、MBB (-0.38ポイント)、HPG (-0.35ポイント)、GAS (-0.33ポイント)だった。

・本日のVNインデックスの売買代金は前日比-27.76%減の12兆1,080憶ドンに達した。総売買代金が14兆1,390憶ドンに達した。変動幅は8.2ポイントだった。上昇には166銘柄、変わらずには74銘柄、下落には293銘柄だった。

・外国人投資家の動向について、HSX市場での売越額は4,643憶1,000万ドンだった。最も売られたのはFUEVFNVD (2,778憶ドン)、DIG (439憶3,000万ドン)、GAS (401憶6,000万ドン)、FUESSVFL (400憶1,000万ドン)、GEX (353憶9,000万ドン)だった。一方、HNX市場での買越額は888憶9,000万ドンだった。

先物取引契約:

先物取引契約: 先物取引契約は株式市場に反して上昇した。

カバードワラント:

カバードワラント: 2024年4月25日には、カバードワラント市場は株式市場と共に下落した。

サマリー

評価:

・VN30インデックスは+1.55ポイント高の1233.72で引けた。変動幅は10.23ポイントだった。FPT、MWG、MSN、VNMとVICなどの主力株が堅調で、VN30インデックスを牽引した。

・VN30インデックスはほとんどの取引時間でもみ合った後、終盤にプラス圏に浮上し、+1.55ポイント高の1233.72で引けた。売買代金がMA20の下にある。投資家は次の数日に慎重的に取引すべきだ。

・VN30F2409、VN30F2412、VN30F2405、VN30F2406の以外、他の先物取引契約は証券市場と共に上昇した。売買高を見ると、全ての先物取引契約が減少した。売買高を見ると、VN30F2409の以外、他の先物取引契約

BSC30, BSC50ポートフォリオの効率

・BSC30 **-0.30%**: 最も上昇した銘柄: **PVS (+3.83%), PVD (+1.55%), NLG (+1.04%)**.

・BSC50 **-0.27%**. 下落した銘柄: **VTP (+4.66%), DIG (+4.04%), DIG (+4.04%)**.

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
前日比	-0.18%	-0.54%	-0.05%	0.13%
前週比	2.03%	1.52%	1.06%	1.77%
前月比	-5.46%	-7.89%	-5.21%	-4.20%
前四半期比	10.39%	7.30%	7.29%	7.71%

国内市場概要

	VNI	HNX	UPCOM
ポイント	1,204.97	227.57	88.33
% 1D	-0.05%	-0.13%	-0.05%
売買代金	12,108	1,065	449
%1D	-27.76%	-30.26%	10.58%
外国人投資家の 売買代金（買い 越し・売り越し）	-464.31	88.89	-21.13

外人投資家による売買金額上位

購入銘柄トップ	売買代金	売却銘柄トッ	売買代金
MWG	210.55	FUEVFNVD	-277.80
VND	45.29	DIG	-43.93
TPB	42.59	GAS	-40.16
HPG	40.82	FUESSVFL	-40.01
KDH	28.80	GEX	-35.39

世界市場

		%D	%W
SPX	5,071	1.20%	0.38%
FTSE100	8,045	0.26%	2.87%
Eurostoxx	4,412	1.09%	1.97%
Shanghai	3,022	-0.74%	0.50%
Nikkei	37,633	-2.03%	-1.11%

ソース: BSC総合

	価値	%
貨物		
ブレンド原油	88.13	0.05%
金価格	2,316	-0.27%
為替レート		
対USD為替レート	25,477	-0.04%
対EUR為替レート	27,933	0.12%
対円為替レート	167	-0.60%
金利		
国債金利（10年間物）	2.9%	-0.02%
銀行間金利（1か月物）	4.3%	

ソース: BSC総合

BSC30, BSC50ポートフォリオの効率



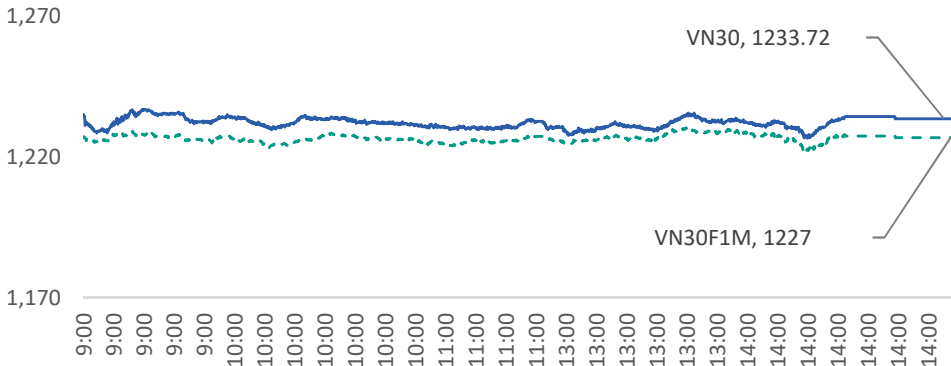
ソース: BSC総合

科目

市場のサマリー	ページ 1
市場総計	ページ 2
BSC30ポートフォリオ	ページ 3
BSC50ポートフォリオ	ページ 4
最新レポート	ページ 5
利用規約	ページ 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1232.1	-0.43%	70	-63.16%	19/09/2024	147
VN30F2412	1233.8	-0.66%	23	-34.29%	19/12/2024	238
VN30F2405	1227	-0.28%	244018	-17.99%	16/05/2024	21
VN30F2406	1230	-0.27%	632	-41.37%	20/06/2024	56

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +1.55 điểm, đóng cửa tại 1233.72 điểm. Biên độ dao động 10.23 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, MSN, VNM, VIC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên sau một ngày giằng co quanh ngưỡng 1,230 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412, VN30F2405, VN30F2406, Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2315	06/05/2024	11	310,800	25.43%	50.89	20	100.0%	0.00	51.05	40.70	40.70
CVRE2318	05/07/2024	71	98,400	40.66%	31.00	180	12.5%	0.01	31.72	22.55	22.55
CVNM2315	06/01/2025	256	38,100	43.24%	87.11	1,420	5.2%	0.16	92.67	64.70	64.70
CVNM2310	09/08/2024	106	26,900	24.96%	78.40	250	4.2%	0.03	80.85	64.70	64.70
CPOW2306	26/06/2024	62	300	52.79%	16.00	60	0.0%	0.00	16.12	10.55	10.55
CVPB2316	06/05/2024	11	644,100	20.46%	22.36	10	0.0%	0.00	22.40	18.60	18.60
CVPB2309	06/05/2024	11	400	15.51%	21.45	10	0.0%	0.00	21.48	18.60	18.60
CVRE2312	06/05/2024	11	40,100	22.13%	27.50	10	0.0%	0.00	27.54	22.55	22.55
CSTB2330	06/05/2024	11	807,700	19.64%	34.00	10	0.0%	0.00	34.04	28.45	28.45
CNVL2305	26/06/2024	62	6,600	35.52%	17.00	900	-1.1%	0.08	20.60	15.20	15.20
CVNM2314	07/10/2024	165	571,000	36.33%	85.15	390	-2.5%	0.04	88.21	64.70	64.70
CVIC2312	05/07/2024	71	47,400	27.96%	52.35	140	-6.7%	0.02	53.75	42.00	42.00
CVHM2302	24/05/2024	29	254,600	24.03%	50.00	120	-7.7%	0.00	50.48	40.70	40.70
CVHM2316	05/07/2024	71	430,400	28.24%	51.23	120	-7.7%	0.02	52.19	40.70	40.70
CVHM2311	05/08/2024	102	100,400	51.11%	60.50	200	-20.0%	0.01	61.50	40.70	40.70
CVNM2313	06/05/2024	11	56,800	27.65%	82.30	30	-25.0%	0.00	82.59	64.70	64.70
CVHM2307	26/06/2024	62	30,700	54.95%	62.67	50	-28.6%	0.00	63.07	40.70	40.70
CVRE2317	06/05/2024	11	470,900	33.21%	30.00	10	-50.0%	0.00	30.04	22.55	22.55
CMSN2315	06/05/2024	11	118,400	20.56%	82.00	10	-50.0%	0.00	82.10	68.10	68.10
CPOW2309	17/05/2024	22	944,800	37.63%	14.50	10	-50.0%	0.00	14.52	10.55	10.55

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 25/04/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2316 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CMWG2305 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.14%.
- CVHM2307, CPOW2306, CVIC2306, CVRE2320, và CVHM2311 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2302, CTCB2401, CFPT2309, CFPT2310, và CMWG2305 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top tăng điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	123.20	2.58%	3.26
MWG	53.80	2.87%	1.72
MSN	68.10	1.79%	0.83
VNM	64.70	1.09%	0.56
VIC	42.00	0.96%	0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giảm điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	46.15	-1.81%	-1.82
ACB	26.80	-0.92%	-0.82
MBB	22.25	-1.33%	-0.82
HPG	28.55	-0.87%	-0.75
VIB	21.15	-1.17%	-0.30

市場総計

VNインデックスにプラス寄与上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
FPT	120.10	2.58%	0.99	9.22
MWG	52.30	2.87%	0.55	19.84
VCB	90.60	0.44%	0.55	1.33
MSN	66.90	1.79%	0.43	6.07
VIC	41.60	0.96%	0.38	1.59

HNX指数にプラス寄与上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
IDC	53.30	3.56%	2.53	1.43
PVI	47.20	2.97%	1.32	0.01
DTK	10.70	3.74%	1.10	0.00
SHS	18.40	1.63%	0.97	15.20
PVS	38.80	1.29%	0.94	4.71

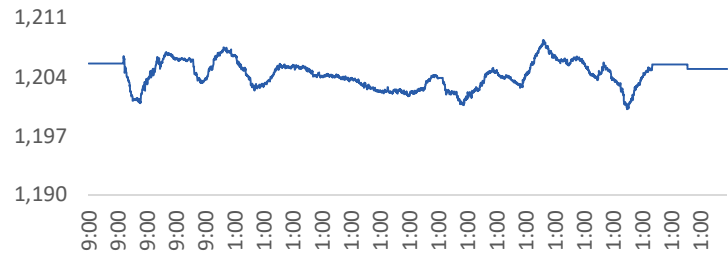
HSXの上昇率上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
FUCVREIT	7.00	7.00%	0.00	0.01
HID	2.87	6.97%	0.00	1.29
FDC	11.50	6.96%	0.01	0.00
HAS	8.06	6.95%	0.00	0.01
PIT	6.08	6.91%	0.00	0.03

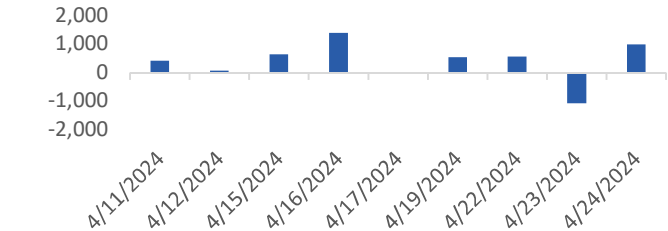
HNXの上昇率上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
CAG	9.40	31.91%	0.21	0.21
AAV	3.60	27.78%	0.34	2.74
DC2	7.20	23.61%	0.06	0.07
L62	1.80	22.22%	0.02	0.00
NHC	25.40	19.69%	0.07	0.00

図表 1
VN-インデックス 日中の動き



図表3
自己勘定取引



ソース: FiinProX, BSC Research

VNインデックスにマイナス寄与上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
TCB	47.00	-1.81%	-0.72	9.24
BID	50.00	-0.80%	-0.55	1.05
MBB	22.55	-1.33%	-0.38	13.00
HPG	28.80	-0.87%	-0.35	11.42
GAS	74.60	-0.80%	-0.33	0.81

HNX指数にマイナス寄与上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
NVB	9.20	-3.26%	-0.63	0.50
PTI	34.00	-5.59%	-0.56	0.00
VIF	15.80	-1.90%	-0.40	0.01
HTP	15.10	-7.95%	-0.40	0.80
VFS	19.70	-3.05%	-0.27	0.46

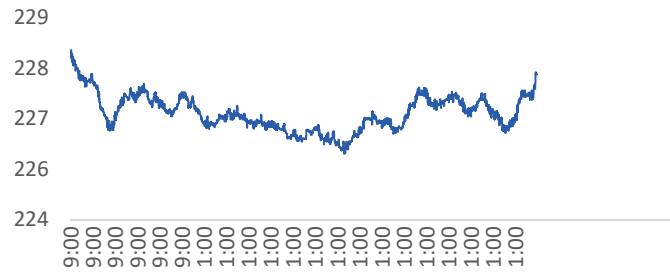
HSXの下落率上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
LEC	6.36	-6.92%	0.00	0.00
TMT	11.70	-6.84%	-0.01	0.06
TCR	3.83	-6.79%	0.00	0.00
QBS	1.65	-6.67%	0.00	1.18
COM	33.45	-6.43%	-0.01	0.00

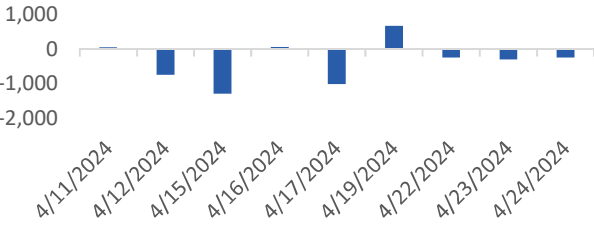
HNXの下落率上位 5銘柄

	株価	変動率	VNインデックスに貢献したポイント	売買高 (100万株)
DPC	8.60	-18.60%	-0.01	0.00
L61	3.50	-14.29%	-0.01	0.01
SMT	5.80	-13.79%	-0.01	0.01
PIA	29.80	-11.74%	-0.05	0.00
VTV	6.00	-10.00%	-0.07	0.03

図表 2
HNX-インデックス 日中の動き



図表4
外国人投資家の取引



ソース: FiinProX, BSC Research

BSC30ポートフォリオ

銘柄	業界	前日終値 (1千 VND)	前日比 (%)	Beta	時価総額 (100USD)	売買代金(10 0万 USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	目標価格 (VND/株)	外国人保有 率	レポートのリン ク
VCB	銀行	91.0	0.40%	0.7	19,992	4.4	5,910	15.4	105,000	23.5%	Link
BID	銀行	49.6	-0.80%	1.1	11,114	2.1	3,772	13.1	54,578	17.3%	Link
VPB	銀行	18.6	0.00%	1.0	5,801	7.8	1,257	14.8	23,685	28.0%	Link
TCB	銀行	46.2	-1.80%	1.1	6,390	13.0	5,111	9.0	-	22.5%	Link
MBB	銀行	22.2	-1.30%	1.1	4,624	11.4	3,818	5.8	24,400	23.2%	Link
STB	銀行	28.4	-0.50%	1.0	2,108	10.5	4,094	6.9	31,200	22.5%	Link
CTG	銀行	33.0	0.20%	1.2	6,966	6.3	3,706	8.9	19,100	27.1%	Link
ACB	銀行	26.8	-0.90%	0.8	4,092	5.4	4,131	6.5	42,500	30.0%	Link
SSI	証券	35.4	-0.80%	1.3	2,097	14.7	1,529	23.1	45,900	43.2%	Link
IDC	工業団地不動産	55.2	1.50%	1.1	716	2.9	4,223	13.1	-	17.6%	Link
HPG	建材	28.6	-0.90%	1.2	6,526	12.6	1,176	24.3	23,300	24.5%	Link
HSG	建材	19.6	-0.30%	1.7	475	2.5	1,321	14.8	79,900	22.1%	Link
VHM	不動産	40.7	0.20%	1.1	6,966	4.8	7,664	5.3	38,900	22.4%	Link
KDH	不動産	34.6	0.10%	1.3	1,087	2.8	895	38.6	44,100	38.0%	Link
NLG	不動産	37.9	-1.60%	1.4	573	4.1	1,257	30.1	46,100	42.9%	Link
DGC	化学品	116.1	-0.20%	1.5	1,733	7.0	8,163	14.2	85,000	18.9%	Link
DCM	肥料	30.6	-1.10%	1.3	638	1.2	2,095	14.6	41,000	10.9%	Link
GAS	石油・ガス	74.0	-0.80%	0.7	6,681	2.3	5,053	14.6	36,000	2.6%	Link
PVS	石油・ガス	39.3	0.00%	0.9	738	7.3	2,148	18.3	110,500	20.8%	
PVD	石油・ガス	29.9	-1.00%	1.2	653	3.1	1,052	28.4	45,000	23.3%	Link
POW	ユーティリティ	10.6	-0.90%	0.7	971	1.4	443	23.8	38,500	4.0%	Link
VHC	水産	74.0	-0.50%	1.1	653	0.7	4,914	15.1	29,000	32.2%	Link
GMD	ロジスティクス	81.4	0.10%	0.9	994	4.1	7,357	11.1	14,500	48.2%	Link
VNM	小売り	64.7	1.10%	0.6	5,315	4.9	4,246	15.2	81,700	53.9%	Link
MSN	小売り	68.1	1.80%	1.3	4,030	16.3	293	232.7	27,700	28.2%	Link
MWG	小売り	53.8	2.90%	1.4	3,092	40.9	115	469.2	63,800	44.5%	Link
PNJ	小売り	94.2	-0.10%	0.9	1,239	4.0	5,860	16.1	83,500	49.0%	Link
DGW	小売り	58.3	-0.70%	1.8	383	3.3	2,121	27.5	90,900	23.4%	Link
FPT	IT	123.2	2.60%	0.8	6,150	27.6	5,091	24.2	57,000	49.0%	Link
CTR	IT	122.6	-1.60%	1.1	551	3.2	4,510	27.2	108,000	10.1%	Link

BSC30ポートフォリオには、ホーチミン証券取引所(HOSE)、ハノイ証券取引所(HNX)及びUpcom市場での最大の時価総額及び最大売買代金を持つ30社が含まれている。

BSC30の中に企業は銀行、証券、消費財、小売、テクノロジー、製造、物流、電力、不動産などの多くの重要な経済セクターを代表しています。BSC30ポートフォリオは安定的な運営活動、堅調な財務、効果的な管理、強い競争性という基準を基づく、BSCの専門家により評価され、選択されております。BSC30ポートフォリオは毎四半期アップデートされる。投資家はBSC30 ポートフォリオを参考し、投資することを検討するべきだ。

DANH MỤC BSC50

銘柄	業界	前日終値 (1千 VND)	前日比 (%)	Beta	時価総額 (100USD)	売買代金(1 00万 USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	外国 投資家 の保有 率	ROE (%)
HDB	銀行	22.5	0.40%	0.9	2,576	6.5	3,482	6.5	1.5	19.6%	25.4%
VIB	銀行	21.2	-1.20%	1.2	2,109	3.2	3,376	6.3	1.4	20.5%	24.3%
TPB	銀行	18.0	-0.30%	1.2	1,553	3.5	2,027	8.9	1.2	29.8%	13.7%
MSB	銀行	13.6	-1.50%	1.2	1,065	3.3	2,322	5.8	0.9	30.0%	16.0%
EIB	銀行	18.0	1.70%	1.0	1,228	5.1	1,244	14.4	1.4	1.8%	10.1%
HCM	証券	27.3	-1.30%	1.5	755	3.6	1,175	23.2	2.2	41.0%	8.3%
VCI	証券	47.0	-1.10%	1.8	808	6.9	1,409	33.3	2.5	21.7%	7.1%
VND	証券	21.0	0.50%	1.6	1,005	10.7	2,057	10.2	1.5	22.6%	13.1%
BID	証券	49.6	-0.80%	1.1	11,114	2.1	3,772	13.1	2.4	17.3%	20.3%
SHS	証券	18.7	0.50%	1.8	598	11.2	1,076	17.4	1.4	13.2%	5.7%
LCG	建設	11.6	-1.30%	1.6	86	0.8	546	21.1	0.9	2.1%	4.6%
HUT	建設	17.1	-0.60%	1.5	600	1.3	53	323.4	1.3	1.6%	0.7%
CTD	建設	65.1	-0.50%	1.2	256	1.7	1,894	34.4	0.8	44.3%	2.3%
HHV	建設	12.6	-0.80%	1.5	205	1.8	782	16.2	0.6	6.7%	4.2%
C4G	建設	9.7	0.00%	1.5	-	0.1	365	26.6	0.9	0.0%	4.9%
DIG	工業団地不動産	28.3	-1.20%	1.9	678	16.8	195	145.4	2.2	5.2%	2.1%
CEO	工業団地不動産	18.3	-2.10%	1.4	370	3.4	293	62.5	1.5	5.6%	2.4%
KBC	工業団地不動産	29.5	0.00%	1.6	890	3.5	2,646	11.2	1.1	20.8%	11.7%
VGC	工業団地不動産	50.8	0.00%	1.4	895	1.0	2,746	18.5	2.3	5.4%	12.5%
SZC	工業団地不動産	40.0	0.40%	1.2	283	2.1	1,515	26.4	2.4	3.2%	13.4%
SIP	工業団地不動産	81.1	-1.10%	1.3	580	0.4	5,098	15.9	3.7	0.3%	26.9%
PHR	工業団地不動産	57.0	1.80%	1.1	304	1.3	4,574	12.5	2.0	15.8%	18.3%
GVR	工業団地不動産	29.4	-0.30%	1.6	4,623	4.0	656	44.8	2.1	0.3%	6.2%
NKG	建材	22.0	-1.60%	1.7	228	4.0	446	49.3	1.1	16.0%	2.3%
BMP	化学品	109.0	-0.80%	0.9	351	1.0	12,717	8.6	3.3	85.9%	39.1%
IJC	不動産	13.9	-1.80%	1.5	206	0.5	1,477	9.4	0.9	5.9%	10.3%
DXG	不動産	16.4	-1.20%	2.0	463	4.4	239	68.5	0.8	20.0%	1.1%
VRE	不動産	22.6	0.00%	1.2	2,014	3.7	1,940	11.6	1.4	31.0%	12.4%
PDR	不動産	26.7	-1.30%	1.9	775	5.3	964	27.7	2.0	7.4%	7.2%
CSV	化学品	55.9	-1.40%	1.6	97	0.6	4,732	11.8	1.7	3.7%	16.1%
DHC	化学品	38.4	-1.90%	1.1	121	0.4	3,843	10.0	1.7	35.8%	17.2%
PLX	石油・ガス	35.1	-0.40%	0.9	1,753	0.3	2,230	15.7	1.5	17.1%	10.7%
PLC	石油・ガス	28.2	-0.70%	1.5	90	0.1	1,261	22.4	1.7	1.2%	8.4%
BSR	石油・ガス	18.2	-0.50%	1.1	-	3.2	2,790	6.5	1.0	0.8%	15.6%
DRC	タイヤ	29.7	-1.20%	0.7	139	0.7	2,286	13.0	1.9	13.6%	13.2%
PC1	ユーティリティ	26.0	0.80%	1.3	317	2.0	450	57.7	1.1	8.5%	4.1%
HDG	ユーティリティ	26.5	0.40%	1.3	318	0.7	2,175	12.2	1.1	22.8%	12.9%
GEX	ユーティリティ	20.8	2.50%	1.9	696	10.0	388	53.6	0.8	12.6%	4.1%
QTP	ユーティリティ	15.4	0.00%	0.6	-	0.1	1,549	9.9	1.3	1.2%	10.8%
REE	ユーティリティ	60.0	-0.50%	0.9	964	1.5	5,354	11.2	1.2	49.0%	13.9%
ANV	水産	28.9	-1.40%	1.4	151	1.0	(252)	-114.4	1.3	3.0%	1.5%
PTB	水産	64.0	-1.50%	0.8	168	0.4	3,851	16.6	1.5	20.9%	10.6%
PVT	ロジスティクス	24.6	-1.60%	0.8	344	1.4	3,005	8.2	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	20.1	-1.20%	1.4	211	1.0	927	21.7	0.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	40.8	0.00%	1.3	169	1.4	3,648	11.2	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	75.4	2.00%	1.2	361	5.3	3,119	24.2	5.8	9.4%	25.6%
DBC	小売り	27.7	-1.10%	1.7	264	7.0	103	268.1	1.4	4.5%	0.5%
FRT	小売り	153.0	1.30%	0.7	819	3.0	(2,537)	-60.3	12.1	36.2%	11.8%
QNS	小売り	45.7	0.20%	0.7	-	0.4	6,117	7.5	1.9	15.5%	27.3%
DPM	肥料	31.2	-2.20%	1.2	481	2.2	1,327	23.5	1.1	10.0%	4.2%
TNG	繊維・アパレル	20.1	-2.40%	1.1	90	0.7	1,917	10.5	1.2	18.6%	12.5%

BSC50ポートフォリオには、ホーチミン証券取引所(HOSE)、ハノイ証券取引所(HNX)及びUpcom市場での最大の時価総額及び最大売買代金を持つ50社が含まれている。

BSC50の中に企業は銀行、証券、消費財、小売、テクノロジー、製造、物流、電力、不動産などの多くの重要な経済セクターを代表しています。

BSC50ポートフォリオは安定的な運営活動、堅調な財務、効果的な管理、強い競争性という基準を基づく、BSCの専門家により四半期に評価され、選択されております。

BSC50ポートフォリオは毎四半期アップデートされる。

BSC50ポートフォリオは市場の上昇傾向及び短期的な取引に適しています。

利用規約

本レポートはベトナム投資開発銀行証券株式会社（BSC）の作成によるレポートで、週間内の証券市場状況及びマクロ経済に関する分析、一般情報を提供するものです。本レポートはいかなる法人または個人の要求により作成されたレポートではありません。投資家は参考資料として本レポートの分析、評価、一般情報をご利用下さい。本レポートの情報、評価、予告などは信頼的なデータ源に基づいたものです。しかし、当社は掲載される情報の正確性に対していかなる保証もなされるものではありません。情報の使用に関して、またはその使用の結果に関して、その他の事項に関して、いかなる保証も負担いたしません。本レポートに掲載される評価や観点は現時点の考慮に基づいたものです。しかし、評価や観点は予告なしに変更されることがありますので、あらかじめご了承ください。本レポートの著作権者はベトナム投資開発銀行証券株式会社であるので、当社の書面による事前の許可なく、いかなる形式またはいかなる手段によっても、複製、再出版は著作権法、プライバシーに関する法律に違反することになります。当社の書面による事前の許可なく、いかなる形式またはいかなる手段によっても、複製、再出版または転送することを禁じます。

分析部

Trần Thăng Long

分析部長

longtt@bsc.com.vn

マクロ市場チーム

Bùi Nguyên Khoa

マクロ市場の課長

khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

マクロ市場チームの分析者

trangnt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

マクロ市場チームの分析者

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

マクロ市場チームの分析者

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

マクロ市場チームの分析者

thaopt1@bsc.com.vn

連絡先

ウェブサイト

<http://www.bsc.com.vn>

ホーチミン支店

President Place Tower, 8th & 9th Floor

1 区, ホーチミン市

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

本社

Thai Holding Tower, 8th & 9th Floor

210 Tran Quang Khai – Hoan Kiem – Hanoi

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

分析に向け

分析部

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

組織投資家に向け

ブローカー及び組織投資家部

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

個人投資家に向け

i-センター

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639